TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 07/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ; Bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Ông Cao Duy Phục - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS, ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22 tháng 10 năm 2004, tại Đ, Đ, Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Xuân L, sinh năm 1972; Con bà: Lê Thị T, sinh năm: 1973; vợ con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2024, đến ngày 15/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C. Bị cáo có mặt.

2. Trịnh Công S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08 tháng 3 năm 2002, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trịnh Văn B (đã chết); Con bà: Đỗ Thị C, sinh năm 1978, vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2024, đến ngày 15/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C. Bị cáo có mặt.

Người chứng kiến:

- Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Lương Văn T1, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 06/01/2024, Trần Xuân H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh đen, biển kiểm soát: 36L1-246.12 đi từ nhà tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và có mang theo 01 gói giấy bạc, bên trong có 06 viên ma tuý, loại hồng phiến đến khu vực thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa tìm người mua ma túy để bán thì bị lực lượng Công an huyện C phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác Công an huyện C đã đưa H cùng toàn bộ số tang vật, phương tiện về trụ sở Công an xã C để tiến hành lập biên bản bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang và lập biên phong niêm phong tang vật theo quy định để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Trần Xuân H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nguồn gốc của ma tuý là do ngày 06/01/2023 bị cáo được Trịnh Công S đưa cho 78 viên ma túy, loại hồng phiến từ để sử dụng cho bản thân và bán lại cho những người nghiện khác để kiếm lời. Bị cáo đã bán cho Phạm Đức L1 01 lần 02 viên ma túy loại hồng phiến với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này bị cáo đã đưa hết cho S, bị cáo cầm theo 6 viên xuống thị trấn P xem có ai mua thì bán, cất ở nhà 27 viên, mục đích vừa sử dụng vừa bán để kiếm lời. Ngoài số ma túy thu được và số lần bán như trên bị cáo không bán thêm cho ai khác, mà sử dụng cho cá nhân hết.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Xuân H tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, đã phát hiện thu giữ: 01 túi nilon màu xanh có viền kẻ màu đỏ bên trong có chứa 27 viên nén hình tròn màu hồng, trên các viên nén đều có ký hiệu chữ "WY" và 02 viên nén hình tròn màu xanh, trên các viên nén đều có ký hiệu chữ "A".

Đến ngày 12/01/2024 Trịnh Công S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C để đầu thú và khai nhận: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04/01/2024 Lương Văn T1 đến nhà Trịnh Công S tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình nói chuyện T1 đã nói với S là có mang theo 84 viên ma túy tổng hợp, hỏi S có lấy dùng không? Nếu lấy thì đưa cho T1 số tiền là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). S đã đồng ý lấy số ma túy mà T1 mang theo, nhưng do chưa có đủ tiền nên S mới trả cho T1 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để T1 trả tiền taxi và nợ lại 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng). Khoảng 15

giờ ngày 04/01/2024, Trần Xuân H có hỏi xin Trịnh Công S 04 viên ma túy tổng hợp, loại hồng phiến để sử dụng. Sau đó S đã lấy 02 viên ma túy tổng hợp ra và sử dụng một mình tại nhà. Số ma túy còn lại bị can S đã đem vào nhà cất giấu. Đến khoảng 13 giờ ngày 06/01/2024, Trần Xuân H tiếp tục gọi điện thoại cho Trịnh Công S để xin ma túy. S đã đồng ý và hẹn H qua nhà S để lấy ma túy. Sau đó bị can Trịnh Công S đã đưa cho H 01 túi nilon màu xanh, có viền kẻ màu đỏ, bên trong có chứa 78 viên ma túy tổng hợp và nói với H là bán được cho ai thì bán, không bán được thì để lại cất đi cho S. H cầm số ma túy trên về nhà và lấy ra để sử dụng dần. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Phạm Đức L1 đã nhắn tin, gọi điện qua zalo cho Trần Xuân H để mua 02 viên ma túy tổng hợp. Bị can H đã đồng ý bán 02 viên ma túy cho Phạm Đức L1 với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và hẹn Phạm Đức L1 đến nhà H tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Khi Phạm Đức L1 gặp H và nói chỉ có 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và xin nợ H 100.000đ (một trăm nghìn đồng) nhưng H không đồng ý nên Phạm Đức L1 đã đi về nhà mượn đủ số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) rồi quay lại đưa đủ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho Trần Xuân H để mua được 02 viên ma túy, loại hồng phiến đem về nhà sử dụng hết số ma túy trên. Sau khi bán được ma túy cho Phạm Đức L1, H đã gặp và đưa cho Trịnh Công S 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).Trong đó, có 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền bán ma túy và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền do H nợ S trước đó. Đến khoảng 20 giờ 45 phút ngày 06/01/2024 Trần Xuân H đã lấy 06 viên ma túy hồng phiến gói vào trong giấy bạc đem xuống khu vực thôn C, xã C để tìm người mua ma túy để tiêu thụ thì bị lực lượng Công an huyện C phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C, đã tiến hành xác minh làm việc, lấy lời khai đối tượng Lương Văn T1 (Hiện nay, Lương Văn T1 đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Thanh Hóa tạm giam về vụ việc khác). Quá trình làm việc, lấy lời khai, đối chất Lương Văn T1 không thừa nhận việc mua bán trái phép chất ma túy của mình đối với Trịnh Công S.

Đối với Phạm Đức L1: Quá trình điều tra, Phạm Đức L1 khai nhận vào ngày 06/01/2024 đã mua 02 viên ma túy tổng hợp của Trần Xuân H và một mình sử dụng hết, lời khai của L1 phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Xuân H. Cơ quan CSĐT đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện C đề nghị ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 129/KL-KTHS, ngày 11/01/2024 của phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- 06 viên nén hình tròn màu đỏ, trên các viên nén đều có ký hiệu chữ "WY" của phong bì ký hiệu M niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,587g (không phẩy năm tám bảy gam) loại: Methamphetamine.

- 27 viên nén hình tròn màu hồng, trên các viên nén đều có ký hiệu chữ "WY" của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,670g (hai phẩy sáu bảy không gam) loại: Methamphetamine.

- 02 viên nén hình tròn màu xanh, trên các viên nén đều có ký hiệu chữ "A" của phong bì ký hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,197g (không phẩy một chín bảy gam) loại: Methamphetamine.

*Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Trần Xuân H là 3,454g (Ba phẩy bốn năm bốn gam) loại: Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSCT, ngày 17/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, truy tố bị cáo Trần Xuân H, Trịnh Công S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nay các bị cáo biết hành vi mua bán ma túy của các bị cáo là vi phạm pháp luật, do nông nổi nên các bị cáo đã sa vào các tệ nạn xã hội và phạm tội. Xin HĐXX xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân H, Trịnh Công S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Lên mức hình phạt đối với bị cáo Trần Xuân H từ 30 – 36 tháng đến tù. Bị cáo Trịnh Công S từ 36 đến 42 tháng tù.

Về tang vật của vụ án: Toàn bộ số vật chứng là ma túy còn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đề nghị truy thu số tiền 300.000 đồng của Trịnh Công S để sung ngân sách Nhà nước.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng của Trịnh Công S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng cát của Trần Xuân H.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Công S một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 36L1-246.12.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo Trần Xuân H, Trịnh Công S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 06/01/2023 Trịnh Công S đã có hành vi đưa cho Trần Xuân H 78 viên ma túy, loại hồng phiến, để sử dụng và bán cho những người nghiện khác để kiếm lời. Xuân H đã bán cho Phạm Đức L1 02 viên ma túy loại hồng phiến với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), số còn lại bị cáo sử dụng và để bán cho các đối tượng nghiện, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an bắt giữ. Tổng số ma túy thu giữ của bị cáo là 35 viên ma túy, loại hồng phiến có khối lượng 3,454g (ba phẩy bốn năm bốn gam) loại: Methamphetamine. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma tuý, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo Trần Xuân H, Trịnh Công S cùng thực hiện hành vi mua bán ma tuý, không có sự bàn bạc, phân công tổ chức từ trước. Do đó, đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trịnh Công S là người cung cấp ma tuý cho H sử dụng và bán, do đó bị cáo S có vai trò cao hơn bị cáo H.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Về hình phạt chính: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có hai tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, cả hai đều có hoàn cảnh gia đình éo le. Bị cáo S bố mất sớm, mình mẹ nuôi dưỡng. Bị cáo H bố mẹ ly hôn, hai mẹ con phải rời quê (Đ) lên C làm ăn, sinh sống (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên cũng phần nào ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các bị cáo. Do đó khi lên

mức hình phạt cần cân nhắc cho các bị cáo hưởng mức án phù hợp để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, từ đó giúp các bị cáo có động lực cải tạo thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không cóthu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Về vật chứng của vụ án:

Toàn bộ số vật chứng là ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

Số tiền 300.000 đồng Trịnh Xuân H1 đưa cho bị cáo S, là tiền do bán ma túy mà có, nên truy thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng, của Trịnh Công S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng cát, của Trần Xuân H, đây tang vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó, tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh đen là tài sản của Trịnh Công S không liên quan đến hành vi phạm tội. S không biết H mượn để đi bán ma túy, do đó, trả lại cho bị cáo S.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân H, Trịnh Công S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

Bị cáo Trịnh Công S 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2024.

Bị cáo Trần Xuân H 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2024.

Về tang vật của vụ án:

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, bên trong có chứa ma túy đã qua giám định.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng, bên trong lắp sim số 0862.685.313 (niêm phong ký hiệu D1);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng cát, bên trong lắp sim số: 0968.301.631 (niêm phong ký hiệu I);

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Công S 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh đen, biển kiểm soát 36L1-246.12, số khung RLCUVG1010MY346089; số máy G3D4E1117126 (đã qua sử dụng, không có gương, không có hộp bảo vệ xích);

(Các tang vật và số tiền trên hiện đang được lưu kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2024).

- Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ là tiền thu lời bất chính của Trịnh Công S.

Về án phí: Các bị cáo Trịnh Công S; Trần Xuân H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung